TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST Ngày 18 - 4 - 2018 V/v Ly hôn giữa chị T và anh B	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Bà Đoàn Thu Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đức Định – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Y.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Y.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Hồng B, sinh năm 1974. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2017, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và Anh Đỗ Hồng B kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Y vào ngày 29/3/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn 1, xã H, huyện T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời, rượu chè, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị T đã cho anh B cơ hội sửa chữa

nhiều lần nhưng anh B không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay không quan tâm đến nhau. Chị T thấy tình cảm vợ chồng với anh B không còn, nên yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị T và anh B có hai người con chung là Đỗ Hòa B, sinh ngày 23/11/2009 và Đỗ Đức M, sinh ngày 28/01/2003. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi hai con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các khoản nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/01/2017, bị đơn Anh Đỗ Hồng B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B công nhận về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, nhưng sau đó lại thôi và đến tháng 6/2016 chị T bỏ nhà đi làm ăn, thỉnh thoảng lại về nhà thăm con. Nay chị T xin ly hôn anh mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh B xác nhận vợ chồng có hai con chung là Đỗ Hòa B, sinh ngày 23/11/2009 và Đỗ Đức M, sinh ngày 28/01/2003. Anh B không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về nuôi con chung.

Về tài sản và các khoản nợ chung: Anh B không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Y phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp và nội dung tranh tụng tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn Anh Đỗ Hồng B.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Hòa B, sinh ngày 23/11/2009 và Đỗ Đức M, sinh ngày 28/01/2003 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn Anh Đỗ Hồng B đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, tại các phiên hòa giải anh B không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Anh Đỗ Hồng B đã được giao nhận các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai

không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Hoài T và Anh Đỗ Hồng B đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Y là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn 1, xã H, huyện T. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh B ham chơi không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị T yêu cầu được ly hôn, anh B mong muốn gia đình được đoàn tụ. Tuy nhiên, khi Toà án triệu tập để hoà giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ, nhưng anh đã cố tình vắng mặt không đến tham gia phiên hoà giải, chứng tỏ anh B không có thiện chí dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Hơn nữa, chị T và anh B sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của chị T cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị T và anh B xác nhận vợ chồng có hai người con chung là Đỗ Hòa B, sinh ngày 23/11/2009 và Đỗ Đức M, sinh ngày 28/01/2003. Cháu B và cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đỗ Hồng B không có mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, đồng thời tại biên bản ghi lời khai anh B cũng không trình bày về nguyện vọng được nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo tính ổn định và quyền lợi về mọi mặt của con, cần tiếp tục giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy, anh B vắng mặt tại Tòa án, chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Toà án không đặt ra giải quyết các quan hệ pháp luật này.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Hoài T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn với Anh Đỗ Hồng B.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hòa B, sinh ngày 23/11/2009 và Đỗ Đức M, sinh ngày 28/01/2003, cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi. Anh Đỗ Hồng B tạm thời chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/06594 ngày 03/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Y.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Y;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Trung